

Số: 1091/QĐ-UBND

Chi Lăng, ngày 31 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình:
Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT
(thuộc địa bàn thôn Làng Chiểu, xã Nhân Lý)**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 số 43/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn thông qua danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2022 theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai; danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2022 theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn thông qua Danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2023; Danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2023; điều chỉnh Danh mục các dự án phải thu hồi đất, Danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về chủ trương đầu tư Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT; Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT;

Căn cứ Quyết định số 1318/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến

năm 2030 huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 2276/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 1223/QĐ UBND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt dự án Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT; Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT; Quyết định số 427/QĐ UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT;

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT;

Căn cứ Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn Ban hành Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn Ban hành Đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; bồi thường, hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn Ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 45/2024/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn về Quy định diện tích đất nông nghiệp để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Quyết định 32/2024/QĐ-UBND ngày 21/9/2024 về việc quy định một số nội dung chi, mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn về Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT;

Căn cứ Thông báo 82/TB-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn thông báo Kết luận của đồng chí Hồ Tiến Thiệu, Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp chuyên đề công tác giải phóng mặt bằng các dự án: Cải tạo,

nâng cấp Quốc lộ 4B (đoạn Km3+700 đến Km18); Nâng cấp đoạn Km18 Km80, Quốc lộ 4B; Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT;

Căn cứ Thông báo 79/TB-UBND ngày 11 thán 3 năm 2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn thông báo Kết luận của đồng chí Lương Trọng Quỳnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp xem xét kế hoạch triển khai các trình tự, thủ tục, nội dung công việc thuộc Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT; Thông báo 04/TB-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn thông báo Kết luận của đồng chí Lương Trọng Quỳnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp xem xét kế hoạch triển khai các nội dung công việc thuộc Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT;

Căn cứ Hợp đồng số 03/2024/HĐ-GPMB ngày 28 tháng 02 năm 2024 Hợp đồng thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Lạng Sơn (đại diện Cơ quan nhà nước có thẩm quyền) và Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Chi Lăng;

Căn cứ Thông báo 278/TB-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn thông báo Kết luận của đồng chí Hồ Tiến Thiệu, Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc kiểm tra tình hình thực hiện Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng và Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức BOT;

Căn cứ Thông báo số 114/TB-HĐTĐGD ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể về việc kết quả thẩm định giá đất cụ thể làm cơ sở thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT, qua địa bàn huyện Chi Lăng; Thông báo số 24/TB-HĐTĐGD ngày 16/01/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể về việc kết quả thẩm định giá đất cụ thể làm cơ sở thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT, qua địa bàn huyện Chi Lăng (đất ở nông thôn tại xã Nhân Lý, Bắc Thủy, Nhân Lý, huyện Chi Lăng);

Căn cứ Kế hoạch số 327/KH-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Chi Lăng về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT;

Căn cứ Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của UBND huyện Chi Lăng về việc kiện toàn Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT;

Căn cứ Thông báo số 900-TB/HU ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Huyện ủy Chi Lăng thông báo Kết luận của đồng chí Trần Thanh Nhân, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy, tại cuộc họp đánh giá tiến độ thực hiện công tác GPMB dự án Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT; Thông báo

số 614/TB- UBND ngày 10/6/2024 của UBND huyện Chi Lăng thông báo Kết luận của Đồng chí Phùng Văn Nghĩa, Phó Chủ tịch UBND huyện, Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án tại buổi họp thống nhất về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án trên địa bàn huyện (Ngày 06/6/2024); Thông báo số 786/TB-UBND ngày 11/7/2024 của UBND huyện Chi Lăng về việc thông báo kết luận của đồng chí Vi Nông Trường, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện, Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án tuyến Cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn theo hình thức BOT (Ngày 05/7/2024);

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện tại Tờ trình số 98/TTr-NNMT ngày 31 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng (đoạn qua địa bàn thôn Làng Chiềng, xã Nhân Lý) cho hộ ông Vi Văn Vững và bà Phùng Thị Phương, số định danh cá nhân: 020072001220, thường trú tại thôn Làng Chiềng, xã Nhân Lý, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn. Nội dung cụ thể như sau:

1. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

STT	Vị trí				Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Nguồn gốc sử dụng/ Số Seri GCN QSDĐ
	Tờ bản đồ	Số hiệu thửa đất	Xã nhóm	Nhóm vị trí			
1	46	330.1	II	1	12,9	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	
2	46	330.1	II	2	107,3	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	
3	1	1257.3	II		1396,3	Đất rừng sản xuất	
4	1	1197.1	II		761	Đất rừng sản xuất	
5	1	1237.3	II		112,4	Đất rừng sản xuất	
6	1	1237.4	II		1143,6	Đất rừng sản xuất	

* Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản

- Loại tài sản, số lượng tài sản:

Loại cây cối, hoa màu	Đơn vị tính	Tổng số lượng
Thửa đất số: 1257.3, tờ BD: 1, DTTH: 1396,3m ² , MĐSD:RSX		
Cây trồng trong mật độ (1350,6 m ²)		
Cây Trám, đường kính gốc 32cm	Cây	1
Cây Sô, đường kính gốc 26cm	Cây	1
Cây Sô, đường kính gốc > 10cm đến 20cm, trong đó:	Cây	5
Cây Sô, đường kính gốc 16cm	Cây	5
Cây Sô mới trồng, đường kính gốc < 5cm, trong đó:	Cây	112

Cây Sờ mới trồng, đường kính gốc 2cm	Cây	22
Cây Sờ mới trồng, đường kính gốc 3cm	Cây	56
Cây Sờ mới trồng, đường kính gốc 4cm	Cây	34
Cây Bưởi, đường kính gốc từ 2cm đến 5 cm, trong đó:	Cây	5
Cây Bưởi, đường kính gốc 3 cm	Cây	2
Cây Bưởi, đường kính gốc 4,5cm	Cây	3
Cây Trám, đường kính gốc từ 2cm đến 5cm, trong đó:	Cây	3
Cây Trám, đường kính gốc 4cm	Cây	3
Cây Chè trồng phân tán cho thu hoạch trên 5 năm	Cây	6
Thửa đất số: 1237.4, tờ BĐ: 1, DTTH: 1143,6m², MĐSD:RSX		
<i>Cây trồng trong mật độ</i>		
Cây Sờ, đường kính gốc từ 5cm đến 10cm, trong đó:	Cây	37
Cây Sờ, đường kính gốc 7cm	Cây	19
Cây Sờ, đường kính gốc 8cm	Cây	18
Cây Sờ mới trồng, đường kính gốc < 5cm, trong đó:	Cây	88
Cây Sờ mới trồng, đường kính gốc 3cm	Cây	51
Cây Sờ mới trồng, đường kính gốc 4cm	Cây	37
Thửa đất số: 1237.3 tờ BĐ: 1, DTTH: 112,4m², MĐSD:RSX		
<i>Cây trồng trong mật độ</i>		
Cây Sờ mới trồng, đường kính gốc < 5cm, trong đó:	Cây	6
Cây Sờ mới trồng, đường kính gốc 2,5cm	Cây	6
Cây Tre (đã ra lá, cành)	Cây	17
Thửa đất số: 1197.1, tờ BĐ: 1, DTTH: 761m², MĐSD:RSX		
<i>Cây trồng trong mật độ</i>		
Cây Keo, đường kính gốc từ 2 đến 5cm, trong đó:	Cây	142
Cây Keo, đường kính gốc 2,5cm	Cây	69
Cây Keo, đường kính gốc 3,5cm	Cây	39
Cây Keo, đường kính gốc 4cm	Cây	34
Cây Bạch đàn, đường kính gốc từ 5cm đến 10cm, trong đó:	Cây	4
Cây Bạch đàn, đường kính gốc 7cm	Cây	2
Cây Bạch đàn, đường kính gốc 8cm	Cây	2
Cây Trám, đường kính gốc từ 2cm đến 5cm, trong đó:	Cây	2
Cây Trám, đường kính gốc 3cm	Cây	2
<i>Cây trồng ngoài mật độ</i>		
Cây Thông, đường kính gốc từ 5cm đến 10cm, trong đó:	Cây	5
Cây Thông, đường kính gốc 7cm	Cây	5
Cây Keo, đường kính gốc từ 2 đến 5cm, trong đó:	Cây	44
Cây Keo, đường kính gốc 3,5cm	Cây	44
Thửa đất số: 330, tờ BĐ: 46, DTTH: 120,2m², MĐSD:BHK		
<i>Cây trồng trong mật độ</i>		
Cây Ớt trồng theo diện tích	m²	120,2

- Giá đất tính bồi thường:

STT	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Loại đất	Xã thuộc nhóm	Vị trí/nhóm vị trí	Đơn giá (đ)
1	46	330.1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	II	1	48.000
2	46	330.1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	II	2	42.000
3	1	1257.3	Đất rừng sản xuất	II		7.000
4	1	1197.1	Đất rừng sản xuất	II		7.000
5	1	1237.3	Đất rừng sản xuất	II		7.000
6	1	1237.4	Đất rừng sản xuất	II		7.000

- Giá tài sản tính bồi thường:

Loại cây cối, hoa màu	Đơn vị	Đơn giá (đ)
Thửa đất số: 1257.3, tờ BĐ: 1, DTTH: 1396,3m², MĐSD:RSX		
<i>Cây trồng trong mật độ (1350,6 m²)</i>		
Cây Trám, đường kính gốc 32cm	Cây	1.900.000
Cây Sờ, đường kính gốc 26cm	Cây	533.000
Cây Sờ, đường kính gốc > 10cm đến 20cm, trong đó:	Cây	423.000
Cây Sờ, đường kính gốc 16cm	Cây	
Cây Sờ mới trồng, đường kính gốc < 5cm, trong đó:	Cây	38.000
Cây Sờ mới trồng, đường kính gốc 2cm	Cây	
Cây Sờ mới trồng, đường kính gốc 3cm	Cây	
Cây Sờ mới trồng, đường kính gốc 4cm	Cây	
Cây Bưởi, đường kính gốc từ 2cm đến 5 cm, trong đó:	Cây	182.000
Cây Bưởi, đường kính gốc 3 cm	Cây	
Cây Bưởi, đường kính gốc 4,5cm	Cây	
Cây Trám, đường kính gốc từ 2cm đến 5cm, trong đó:	Cây	130.000
Cây Trám, đường kính gốc 4cm	Cây	
Cây Chè trồng phân tán cho thu hoạch trên 5 năm	Cây	115.500
Thửa đất số: 1237.4, tờ BĐ: 1, DTTH: 1143,6m², MĐSD:RSX		
<i>Cây trồng trong mật độ</i>		
Cây Sờ, đường kính gốc từ 5cm đến 10cm, trong đó:	Cây	110.000
Cây Sờ, đường kính gốc 7cm	Cây	
Cây Sờ, đường kính gốc 8cm	Cây	
Cây Sờ mới trồng, đường kính gốc < 5cm, trong đó:	Cây	38.000
Cây Sờ mới trồng, đường kính gốc 3cm	Cây	
Cây Sờ mới trồng, đường kính gốc 4cm	Cây	
Thửa đất số: 1237.3 tờ BĐ: 1, DTTH: 112,4m², MĐSD:RSX		
<i>Cây trồng trong mật độ</i>		
Cây Sờ mới trồng, đường kính gốc < 5cm, trong đó:	Cây	38.000
Cây Sờ mới trồng, đường kính gốc 2,5cm	Cây	
Cây Tre (đã ra lá, cành)	Cây	10.500
Thửa đất số: 1197.1, tờ BĐ: 1, DTTH: 761m², MĐSD:RSX		
<i>Cây trồng trong mật độ</i>		
Cây Keo, đường kính gốc từ 2 đến 5cm, trong đó:	Cây	30.000
Cây Keo, đường kính gốc 2,5cm	Cây	
Cây Keo, đường kính gốc 3,5cm	Cây	
Cây Keo, đường kính gốc 4cm	Cây	
Cây Bạch đàn, đường kính gốc từ 5cm đến 10cm, trong đó:	Cây	70.000
Cây Bạch đàn, đường kính gốc 7cm	Cây	
Cây Bạch đàn, đường kính gốc 8cm	Cây	

Cây Trám, đường kính gốc từ 2cm đến 5cm, trong đó:	Cây	130.000
Cây Trám, đường kính gốc 3cm	Cây	
<i>Cây trồng ngoài mật độ</i>		
Cây Thông, đường kính gốc từ 5cm đến 10cm, trong đó:	Cây	28.000
Cây Thông, đường kính gốc 7cm	Cây	
Cây Keo, đường kính gốc từ 2 đến 5cm, trong đó:	Cây	30.000
Cây Keo, đường kính gốc 3,5cm	Cây	
Thửa đất số: 330, tờ BĐ: 46, DTTH: 120,2m², MĐSD:BHK		
<i>Cây trồng trong mật độ</i>		
Cây Ót trồng theo diện tích	m²	18.000

* Các khoản hỗ trợ:

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm theo Khoản 1 Điều 11 Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 (Hỗ trợ bằng tiền):

ST T	Tờ bản đồ	Số hiệu thửa đất	Mục đích sử dụng	Xã nhóm	Nhóm vị trí	Diện tích thu hồi (m ²)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	46	330.1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	II	1	12,9	192.000	2.476.800
2	46	330.1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	II	2	107,3	168.000	18.026.400
3	1	1257.3	Đất rừng sản xuất	II		1350,6	14.000	18.907.700
4	1	1197.1	Đất rừng sản xuất	II		761	14.000	10.654.000
5	1	1237.3	Đất rừng sản xuất	II		112,4	14.000	1.573.600
6	1	1237.4	Đất rừng sản xuất	II		1143,6	14.000	16.010.400
			Tổng					67.648.900

* Tổng số tiền bồi thường: Tiền bồi thường về đất, tiền bồi thường tài sản, tiền bồi thường chi phí di chuyển tài sản, tiền bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, tiền hỗ trợ:

- Tiền bồi thường về đất

ST T	Tờ bản đồ	Số hiệu thửa đất	Mục đích sử dụng	Xã nhóm	Nhóm vị trí	Diện tích thu hồi (m ²)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	46	330.1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	II	1	12,9	48.000	619.200
2	46	330.1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	II	2	107,3	42.000	4.506.600
3	1	1257.3	Đất rừng sản xuất	II		1396,3	7.000	9.774.100
4	1	1197.1	Đất rừng sản xuất	II		761	7.000	5.327.000
5	1	1237.3	Đất rừng sản xuất	II		112,4	7.000	786.800
6	1	1237.4	Đất rừng sản xuất	II		1143,6	7.000	8.005.200
			Tổng					29.018.900

- Bồi thường về tài sản:

Loại cây cối, hoa màu	Đơn vị	Tổng số lượng	Đơn giá (đ)	Hệ số theo QĐ 42/2024-UBND ngày 28/10/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn		Thành tiền (đ)
				Cây trồng ngoài mật độ (30%)	Cây trồng xen kẽ (60%)	26.019.100
Thửa đất số: 1257.3, tờ BĐ: 1, DTTH: 1396,3m², MĐSD:RSX						
<i>Cây trồng trong mật độ (1350,6 m²)</i>						
Cây Trám, đường kính gốc 32cm	Cây	1	1.900.000			1.900.000
Cây Sờ, đường kính gốc 26cm	Cây	1	533.000			533.000
Cây Sờ, đường kính gốc > 10cm đến 20cm, trong đó:	Cây	5	423.000			2.115.000
Cây Sờ, đường kính gốc 16cm	Cây	5				
Cây Sờ mới trồng, đường kính gốc < 5cm, trong đó:	Cây	112	38.000			4.256.000
Cây Sờ mới trồng, đường kính gốc 2cm	Cây	22				
Cây Sờ mới trồng, đường kính gốc 3cm	Cây	56				
Cây Sờ mới trồng, đường kính gốc 4cm	Cây	34				
Cây Bưởi, đường kính gốc từ 2cm đến 5 cm, trong đó:	Cây	5	182.000			910.000
Cây Bưởi, đường kính gốc 3 cm	Cây	2				
Cây Bưởi, đường kính gốc 4,5cm	Cây	3				
Cây Trám, đường kính gốc từ 2cm đến 5cm, trong đó:	Cây	3	130.000			390.000
Cây Trám, đường kính gốc 4cm	Cây	3				
Cây Chè trồng phân tán cho thu hoạch trên 5 năm	Cây	6	115.500			693.000
Thửa đất số: 1237.4, tờ BĐ: 1, DTTH: 1143,6m², MĐSD:RSX						
<i>Cây trồng trong mật độ</i>						
Cây Sờ, đường kính gốc từ 5cm đến 10cm, trong đó:	Cây	37	110.000			4.070.000
Cây Sờ, đường kính gốc 7cm	Cây	19				
Cây Sờ, đường kính gốc 8cm	Cây	18				
Cây Sờ mới trồng, đường kính gốc < 5cm, trong đó:	Cây	88	38.000			3.344.000
Cây Sờ mới trồng, đường kính gốc 3cm	Cây	51				
Cây Sờ mới trồng, đường kính gốc 4cm	Cây	37				
Thửa đất số: 1237.3 tờ BĐ: 1, DTTH: 112,4m², MĐSD:RSX						
<i>Cây trồng trong mật độ</i>						
Cây Sờ mới trồng, đường kính gốc < 5cm, trong đó:	Cây	6	38.000			228.000
Cây Sờ mới trồng, đường kính gốc 2,5cm	Cây	6				

Cây Tre (đã ra lá, cành)	Cây	17	10.500			178.500
Thửa đất số: 1197.1, tờ BD: 1, DTTH: 761m², MĐSD:RSX						
<i>Cây trồng trong mật độ</i>						
Cây Keo, đường kính gốc từ 2 đến 5cm, trong đó:	Cây	142	30.000			4.260.000
Cây Keo, đường kính gốc 2,5cm	Cây	69				
Cây Keo, đường kính gốc 3,5cm	Cây	39				
Cây Keo, đường kính gốc 4cm	Cây	34				
Cây Bạch đàn, đường kính gốc từ 5cm đến 10cm, trong đó:	Cây	4	70.000			280.000
Cây Bạch đàn, đường kính gốc 7cm	Cây	2				
Cây Bạch đàn, đường kính gốc 8cm	Cây	2				
Cây Trám, đường kính gốc từ 2cm đến 5cm, trong đó:	Cây	2	130.000			260.000
Cây Trám, đường kính gốc 3cm	Cây	2				
<i>Cây trồng ngoài mật độ</i>						
Cây Thông, đường kính gốc từ 5cm đến 10cm, trong đó:	Cây	5	28.000	30%		42.000
Cây Thông, đường kính gốc 7cm	Cây	5				
Cây Keo, đường kính gốc từ 2 đến 5cm, trong đó:	Cây	44	30.000	30%		396.000
Cây Keo, đường kính gốc 3,5cm	Cây	44				
Thửa đất số: 330, tờ BD: 46, DTTH: 120,2m², MĐSD:BHK						
<i>Cây trồng trong mật độ</i>						
Cây Ót trồng theo diện tích	m²	120,2	18.000			2.163.600
Tổng						26.019.100

- Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:

STT	Nội dung bồi thường, hỗ trợ	Số tiền (đ)
1	Bồi thường đất	29.018.900
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	67.648.900
3	Bồi thường cây cối, hoa màu	26.019.100
Tổng		122.686.900

Tổng số tiền (ghi bằng chữ): *Một trăm hai mươi hai triệu, sáu trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm đồng./.*

2. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không có.

3. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không có.

4. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không có.

5. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có): Không có.

6. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): Không có tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp.

7. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): Không có.

8. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

- Vốn do nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP chịu trách nhiệm thu xếp (gồm: vốn chủ sở hữu, vốn vay và các nguồn huy động khác): khoảng 5.529 tỷ đồng (chiếm 50,13% tổng mức đầu tư dự án), trong đó:

+ Vốn chủ sở hữu: khoảng 1.106 tỷ đồng (chiếm 20% tổng vốn do nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP chịu trách nhiệm thu xếp);

+ Vốn vay và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác: khoảng 4.423 tỷ đồng (chiếm 80% tổng vốn do nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP chịu trách nhiệm thu xếp);

- Vốn nhà nước tham gia dự án PPP (vốn nhà nước trong dự án PPP): khoảng 5.500 tỷ đồng (chiếm 49,87% tổng mức đầu tư), trong đó: vốn ngân sách trung ương 3.500 tỷ đồng, vốn ngân sách tỉnh 2.000 tỷ đồng.

9. Tên cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng, bên mời thầu, nhà đầu tư dự án.

- Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh Lạng Sơn;

- Cơ quan ký kết hợp đồng: UBND tỉnh Lạng Sơn;

- Bên mời thầu: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Lạng Sơn;

- Nhà đầu tư trúng thầu: Liên danh Công ty cổ phần xây dựng Đèo Cả - Công ty cổ phần tập đoàn Đèo Cả - Công ty cổ phần xây dựng công trình 568 - Công ty cổ phần LIZEN.

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng của dự án.

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện thực hiện công tác chi trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, nhận bàn giao mặt bằng quản lý chặt chẽ và giao lại cho chủ đầu tư thực hiện dự án.

3. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Lạng Sơn đảm bảo kinh phí và phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện thực hiện công tác chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người sử dụng đất, người bị ảnh hưởng bởi dự án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Chủ tịch HĐ BT, HT và TĐC dự án huyện, Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế

hoạch huyện, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh, Chủ tịch UBND xã Nhân Lý, hộ ông Vi Văn Vững và bà Phùng Thị Phương, các cá nhân, tổ chức có liên quan tại khoản 8 Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, NNMT, LQT.

Lương Thành Chung